TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **100**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2021/TLST-HNGĐ, ngày 5/7/2021, về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Đường 49, Tổ 4, thôn Z, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện đang ở tại: Số 73 đường ĐT 766, tổ 6, thôn J, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2.Bị đơn: Anh Lại Đình C, sinh 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Đường 49, Tổ 4, thôn Z, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Chị D và anh Lại Đình C tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã MP. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do anh C hay uống rượu, khi say rượu thì về nhà gây gỗ, đánh đập chị D nhiều lần, có lời nói xúc phạm đến chị D, làm ảnh hưởng đến tâm lý các con. Chị D cũng có một phần lỗi là hay chơi game. Do bị đánh đập nhiều lần, chị D không chịu đựng được, nên cương quyết ly hôn. Hiện chị D đã về nhà cha, mẹ ruột ở. Về con chung và tài sản chị D không yêu cầu giải quyết.

Tại buổi hòa giải bị đơn anh Lại Đình C trình bày: Việc đăng ký kết hôn chị chị D khai là đúng. Nguyên nhân chị D xin ly hôn là do xảy ra cãi vã giữa hai vợ chồng từ những việc trong gia đình. Bản thân anh C đôi khi có uống rượu, nên hai bên không nhường nhịn nhau để xảy ra mâu thuẩn. Anh C mong muốn được đoàn tụ, vì anh C còn thương yêu vợ, con.

Qua xác minh thì được biết: Chị D và anh C kết hôn khoảng 10 năm nay. Cuộc sống ban đầu của vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng khoảng nữa năm nay thì phát sinh mâu thuẩn. Mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẩn, thì D hay khóc lóc và đã về ở với cha, mẹ hơn 2 tháng nay. Gia đình hai bên đều khuyên nhủ, động viên vợ chồng trở lại chung sống lo cho con cái, nhưng chị D không đồng ý. Chị D và anh C có 02 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các quy định của tố tụng.

Về nội dung vụ án: Do mâu thuẩn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị D và anh C là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc, thể hiện là chị D đã bỏ nhà về sống cùng cha, mẹ. Nguyên nhân là do hai bên không nhường nhịn nhau, thường cãi vã. Theo chị D trình bày là vì anh C thường hay đánh đập, nên chị không thể chịu dựng được và cương quyết ly hôn. Bản thân anh C tuy không muốn ly hôn, nhưng trong thời gian qua cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tạo điều kiện và tác động chị D trở về chung sống, nhưng cũng không có kết quả. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị D chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Chị Nguyễn Thị Ngọc D ly hôn anh Lại Đình C.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005441 ngày 5/7/2021. Chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Đương sự;
-Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái